

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho Vạn Miền Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Đoàn Thị Đông	Chủ tịch
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên
Ông Trần Mạnh Đức	Thành viên
Ông Đinh Quang Hoàn	Thành viên
Ông Trần Quyết Thắng	Thành viên
Ông Lê Việt Thành	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc
Bà Đoàn Thị Đông	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013)
Ông Trần Mạnh Đức	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 3 năm 2014

Số: 280 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 04 tháng 3 năm 2014 từ trang 3 đến trang 25 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tứ

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0488-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty Deloitte Việt Nam

Ngày 04 tháng 3 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Huỳnh Thanh Phương

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
2061-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		155.486.596.824	136.062.901.110
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	79.832.342.924	62.477.239.278
1. Tiền	111		31.284.961.107	4.119.169.621
2. Các khoản tương đương tiền	112		48.547.381.817	58.358.069.657
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	2.449.693.680	2.672.781.360
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6.979.120.100	6.979.120.100
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4.529.426.420)	(4.306.338.740)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64.770.039.974	59.364.550.018
1. Phải thu khách hàng	131		56.754.608.370	56.467.180.551
2. Trả trước cho người bán	132		1.547.145.417	1.066.244.156
3. Các khoản phải thu khác	135	7	8.279.667.873	3.641.602.832
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(1.811.381.686)	(1.810.477.521)
IV. Hàng tồn kho	140	9	1.973.197.951	3.667.811.986
1. Hàng tồn kho	141		1.973.197.951	3.667.811.986
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.461.322.295	7.880.518.468
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		503.352.882	1.006.319.659
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.041.377	2.815.768
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.083.261.145	147.660.765
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	3.864.666.891	6.723.722.276
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		32.031.184.445	33.242.520.509
I. Tài sản cố định	220		26.938.470.421	30.978.074.493
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	25.802.994.160	29.623.322.795
- Nguyên giá	222		98.435.840.134	99.048.737.288
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.632.845.974)	(69.425.414.493)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	1.135.476.261	1.354.751.698
- Nguyên giá	228		2.465.843.779	2.534.943.731
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.330.367.518)	(1.180.192.033)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.210.000.000	1.680.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	1.530.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	14	1.680.000.000	1.680.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.882.714.024	584.446.016
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	1.706.785.424	408.517.416
2. Tài sản dài hạn khác	268		175.928.600	175.928.600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		187.517.781.269	169.305.421.619

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		51.733.901.359	40.784.687.703
I. Nợ ngắn hạn	310		51.183.779.359	40.216.811.703
1. Phải trả người bán	312		33.751.747.339	28.835.899.275
2. Người mua trả tiền trước	313		1.300.174.552	401.140.262
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	4.872.186.597	3.124.736.596
4. Phải trả người lao động	315		8.233.543.921	4.243.114.288
5. Chi phí phải trả	316		41.852.075	212.218.008
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	2.906.385.582	2.812.755.373
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		77.889.293	586.947.901
II. Nợ dài hạn	330		550.122.000	567.876.000
1. Phải trả dài hạn khác	333		550.122.000	567.876.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		135.783.879.910	128.520.733.916
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	135.783.879.910	128.520.733.916
1. Vốn điều lệ	411		83.518.570.000	83.518.570.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		6.894.818.939	5.654.810.040
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		23.316.847.261	20.836.829.464
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.822.713.838	4.078.708.499
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		17.230.929.872	14.431.815.913
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		187.517.781.269	169.305.421.619

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃ SỐ B 01-DN


CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	31/12/2013		31/12/2012	
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	002	521.820.710.482		504.987.308.658	
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	004	624.958.040		624.958.040	
3. Ngoại tệ (USD)	007	118.337		49.268	
4. Ngoại tệ (EUR)	007	441		554	

Giá trị vật tư hàng hóa nhận giữ hộ tại ngày kết thúc niên độ kế toán thể hiện giá trị của các loại hàng hóa đang được gửi tại các kho của Công ty theo các hợp đồng cho thuê kho.



Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng





Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 04 tháng 3 năm 2014




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013


MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	661.257.036.622	607.333.539.266
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		661.257.036.622	607.333.539.266
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	540.714.208.287	494.863.939.410
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		120.542.828.335	112.469.599.856
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	5.004.914.114	5.551.121.412
7. Chi phí tài chính	22	24	503.249.320	150.080.908
8. Chi phí bán hàng	24		76.455.541.451	72.337.057.705
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.622.254.843	13.278.489.079
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		30.966.696.835	32.255.093.576
11. Thu nhập khác	31		983.102.252	602.551.452
12. Chi phí khác	32		132.714.041	19.384.066
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	25	850.388.211	583.167.386
14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		31.817.085.046	32.838.260.962
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	7.755.660.387	8.038.082.990
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		24.061.424.659	24.800.177.972
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	2.881	2.969


Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng




Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 04 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	31.817.085.046	32.838.260.962
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.148.608.627	5.562.633.005
Các khoản dự phòng	03	223.991.845	271.218.254
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(465.187)	69.770
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.913.610.532)	(5.229.617.746)
Chi phí lãi vay	06	8.555.064	12.856.111
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	32.284.164.863	33.455.420.356
Thay đổi các khoản phải thu	09	(4.671.398.161)	(7.136.332.115)
Thay đổi hàng tồn kho	10	1.694.614.035	389.631.178
Thay đổi các khoản phải trả	11	7.362.072.389	3.959.996.407
Thay đổi chi phí trả trước	12	(206.513.947)	(6.006.173)
Tiền lãi vay đã trả	13	(8.555.064)	(12.856.111)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.538.082.990)	(7.754.870.771)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.183.077.823	1.250.976.502
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.167.706.746)	(4.640.422.782)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	28.931.672.202	19.505.536.491
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1.794.307.035)	(783.993.895)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	270.240.909	818.181
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.530.000.000)	-
4. Cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.803.827.855	5.293.512.396
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.749.761.729	4.510.336.682
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.416.350.776	13.152.384.262
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.416.350.776)	(13.152.384.262)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(13.324.583.030)	(18.357.195.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.324.583.030)	(18.357.195.700)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	17.356.850.901	5.658.677.473
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	62.477.239.278	56.839.351.320
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.747.255)	(20.789.515)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	79.832.342.924	62.477.239.278

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi trả cổ tức và thu từ lãi trong năm không bao gồm số tiền lần lượt là 180.659.063 đồng (năm 2012: 142.270.893 đồng) và 200.000.000 đồng (năm 2012: 263.943.036 đồng) là số cổ tức đã công bố trong năm nhưng chưa thanh toán và khoản lãi dự thu nhưng chưa thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả và các khoản phải thu.

Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng

Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 04 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Kho Vận Miền Nam theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM ngày 27 tháng 9 năm 2006 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300645369 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và thay đổi lần thứ 7 ngày 01 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (“SCIC”) với tỷ lệ sở hữu chiếm 47,73% vốn điều lệ của Công ty, tương đương với quyền biểu quyết tương ứng. Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 04 tháng 02 năm 2010 với mã cổ phiếu là STG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 334 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 330 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc, xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức, đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh, kinh doanh kho ngoại Quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyên tải hàng hóa, đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), sản xuất gia công các sản phẩm dầu nhớt, dầu mỡ bôi trơn, sản xuất bao bì các loại (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ), mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt - nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng, mua bán hàng may mặc và nguyên phụ liệu may mặc, kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở), kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế, đại lý bán vé máy bay, vé tàu hỏa, đại lý bảo hiểm, cho thuê xe ô tô, mua bán phụ gia, nguyên liệu pha chế dầu nhờn, kinh doanh bất động sản, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng, đại lý bán vé tàu thủy, bán buôn phân bón, bình ắc quy.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã nêu tại Thuyết minh số 13, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có khoản đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH Phát Triển Bất Động Sản SORECO, trong đó Công ty sẽ góp 3.060.000.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ cũng như quyền biểu quyết trong SORECO.

Tại ngày kết thúc niên độ, Công ty mới chỉ góp 1.530.000.000 đồng và SORECO cũng chưa đi vào hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản ký cược, ký quỹ.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí liên quan, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 40
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và trang web được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện quyền Công ty sử dụng lô đất tại 36/1 Sương Nguyệt Ánh, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, CHXHCN Việt Nam trong 50 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng của lô đất.

Phần mềm máy tính và trang web được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn là các khoản đầu tư vào công ty liên kết được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch này. Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư tài chính dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá khoản đầu tư.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được xem là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành việc cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Công ty được trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo điều lệ Công ty và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.379.425.700	1.267.195.171
Tiền gửi ngân hàng	29.905.535.407	2.851.974.450
Các khoản tương đương tiền	48.547.381.817	58.358.069.657
	<u>79.832.342.924</u>	<u>62.477.239.278</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng bằng Đồng Việt Nam với thời gian đáo hạn từ 1 tháng đến 3 tháng với lãi suất từ 5% đến 7% (năm 2012: từ 8% đến 9%).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		
Chứng khoán đã niêm yết	4.516.720.100	4.516.720.100
Chứng khoán chưa niêm yết	2.462.400.000	2.462.400.000
	<u>6.979.120.100</u>	<u>6.979.120.100</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(4.529.426.420)	(4.306.338.740)
	<u>2.449.693.680</u>	<u>2.672.781.360</u>

Công ty trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dựa trên giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối năm tài chính đối với những chứng khoán niêm yết. Đối với những chứng khoán chưa niêm yết, Công ty trích lập dự phòng dựa trên báo giá trung bình của 3 công ty chứng khoán hoặc giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom), trường hợp không thu thập được giá thị trường của chứng khoán chưa niêm yết thì Công ty không trích lập dự phòng.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Các khoản phải thu khác chủ yếu là các chi trả hộ tiền phụ phí xếp dỡ tại cảng bao gồm các khoản phí liên quan đến việc xếp dỡ, tập kết container từ kho bãi ra cầu tàu, lưu kho tại cảng.

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Dos-Tex Việt Nam	789.775.980	789.775.980
Công ty TNHH Glory Oceanic (Việt Nam)	-	442.926.708
Công ty TNHH TM DV XNK Hiệp Tiến Phát	370.823.240	259.576.268
Công ty Cổ phần Dabaco Tiền Giang	352.615.020	241.404.012
Khách hàng khác	298.167.446	76.794.553
	<u>1.811.381.686</u>	<u>1.810.477.521</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Hàng hóa	<u>1.973.197.951</u>	<u>3.667.811.986</u>

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tạm ứng	3.448.466.891	6.193.537.476
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	416.200.000	530.184.800
	<u>3.864.666.891</u>	<u>6.723.722.276</u>

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	50.797.337.102	5.952.224.757	39.810.344.625	2.488.830.804	99.048.737.288
Tăng trong năm	1.279.782.945	-	-	514.524.090	1.794.307.035
Thanh lý	-	-	(703.445.043)	(45.338.600)	(748.783.643)
Giảm khác	(156.910.318)	(153.798.160)	(40.036.797)	(1.307.675.271)	(1.658.420.546)
Tại ngày 31/12/2013	<u>51.920.209.729</u>	<u>5.798.426.597</u>	<u>39.066.862.785</u>	<u>1.650.341.023</u>	<u>98.435.840.134</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/1/2013	43.179.506.780	3.767.516.079	20.758.924.262	1.719.467.372	69.425.414.493
Khấu hao trong năm	1.349.987.955	412.447.216	3.025.076.048	164.319.627	4.951.830.846
Thanh lý	-	-	(617.280.459)	(34.987.988)	(652.268.447)
Giảm khác	(146.304.250)	(96.034.576)	(28.880.544)	(820.911.548)	(1.092.130.918)
Tại ngày 31/12/2013	<u>44.383.190.485</u>	<u>4.083.928.719</u>	<u>23.137.839.307</u>	<u>1.027.887.463</u>	<u>72.632.845.974</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	<u>7.537.019.244</u>	<u>1.714.497.878</u>	<u>15.929.023.478</u>	<u>622.453.560</u>	<u>25.802.994.160</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>7.617.830.322</u>	<u>2.184.708.678</u>	<u>19.051.420.363</u>	<u>769.363.432</u>	<u>29.623.322.795</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tài sản cố định của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn đang còn tiếp tục sử dụng với nguyên giá là 45.434.961.270 đồng (năm 2012: 43.263.712.847 đồng).

Khoản giảm khác thể hiện các tài sản không còn thỏa điều kiện ghi nhận là tài sản cố định hữu hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong vòng từ 1 năm đến 3 năm kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, ngày có hiệu lực của Thông tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Trang web	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	1.287.550.000	1.069.512.750	177.880.981	2.534.943.731
Phân loại theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC	-	(53.082.000)	(16.017.952)	(69.099.952)
Tại ngày 31/12/2013	1.287.550.000	1.016.430.750	161.863.029	2.465.843.779
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY				
Tại ngày 01/01/2013	171.673.360	835.653.027	172.865.646	1.180.192.033
Khấu hao trong năm	25.751.004	171.026.777	-	196.777.781
Phân loại theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC	-	(35.599.679)	(11.002.617)	(46.602.296)
Tại ngày 31/12/2013	197.424.364	971.080.125	161.863.029	1.330.367.518
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2013	1.090.125.636	45.350.625	-	1.135.476.261
Tại ngày 31/12/2012	1.115.876.640	233.859.723	5.015.335	1.354.751.698

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Phát Triển Bất Động Sản SORECO (gọi tắt là "SORECO"), thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312576215 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05 tháng 12 năm 2013. Hoạt động chính của SORECO là kinh doanh bất động sản. Vốn điều lệ của SORECO là 6.000.000.000 đồng, trong đó Công ty sẽ góp 3.060.000.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ cũng như quyền biểu quyết trong SORECO. Tại ngày lập báo cáo, Công ty mới chỉ góp 1.530.000.000 đồng và SORECO cũng chưa đi vào hoạt động.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần SDB Việt Nam (gọi tắt là "SDB"), một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 41132000017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 12 năm 2007, và các giấy chứng nhận sửa đổi. Hoạt động chính của SDB là kinh doanh dịch vụ kho bãi; dịch vụ đại lý vận tải; dịch vụ thủ tục, hải quan; dịch vụ logistics. Giá gốc của khoản đầu tư là 1.680.000.000 đồng (năm 2012: 1.680.000.000 đồng) chiếm 35% (năm 2012: 35%) vốn điều lệ cũng như quyền biểu quyết trong SDB. Tại ngày lập báo cáo, SDB không phát sinh lỗ lũy kế nên không cần trích lập dự phòng.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	408.517.416	813.369.399
Tăng trong năm	1.974.447.289	213.581.737
Phân bổ vào chi phí trong năm	(676.179.281)	(618.433.720)
Số dư cuối năm	1.706.785.424	408.517.416

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.089.043.484	843.738.111
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.255.660.387	2.038.082.990
Thuế thu nhập cá nhân	259.268.876	242.859.695
Các loại thuế khác	1.268.213.850	55.800
	<u>4.872.186.597</u>	<u>3.124.736.596</u>

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	35.999.147	25.863.591
Bảo hiểm y tế	2.892.176	3.817.977
Bảo hiểm thất nghiệp	4.932.154	8.031.074
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.136.232.773	1.217.092.496
Cổ tức phải trả	180.659.063	142.270.893
Phải trả khác	1.545.670.269	1.415.679.342
	<u>2.906.385.582</u>	<u>2.812.755.373</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MAU SỐ B 09-DN****18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	83.518.570.000	4.453.538.386	37.257.128	18.434.286.157	3.763.537.087	15.673.576.074	125.880.764.832
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	24.800.177.972	24.800.177.972
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(37.257.128)	-	-	-	(37.257.128)
Phân phối quỹ	-	1.201.271.654	-	2.402.543.307	720.762.992	(4.324.577.953)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(18.374.085.400)	(18.374.085.400)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.396.515.722)	(2.396.515.722)
Giảm khác	-	-	-	-	(405.591.580)	(946.759.058)	(1.352.350.638)
Số dư tại ngày 31/12/2012	83.518.570.000	5.654.810.040	-	20.836.829.464	4.078.708.499	14.431.815.913	128.520.733.916
Tăng vốn	-	1.240.008.899	-	-	-	(1.240.008.899)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	24.061.424.659	24.061.424.659
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối quỹ	-	-	-	2.480.017.797	744.005.339	(3.224.023.136)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(13.362.971.200)	(13.362.971.200)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.680.017.797)	(2.680.017.797)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(755.289.668)	(755.289.668)
Số dư tại ngày 31/12/2013	83.518.570.000	6.894.818.939	-	23.316.847.261	4.822.713.838	17.230.929.872	135.783.879.910

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 080/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 3 năm 2013, Hội đồng Quản trị đã quyết định trả cổ tức lần hai cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 với tỷ lệ 8% trên vốn điều lệ, tương đương 6.681.485.600 đồng. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 104/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 9 năm 2013, Hội đồng quản trị đã quyết định thanh toán cổ tức lần 1 cho các cổ đông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 với mức tỷ lệ là 8% trên vốn điều lệ, tương đương là 6.681.485.600 đồng. Ngoài ra, theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 086/NQ-DHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2013, các cổ đông Công ty đã quyết định thanh toán thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát là 620.004.449 đồng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Các quỹ đầu tư và phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 số 086/NQ-DHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2013.

Giảm khác thể hiện khoản thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được trích từ lợi nhuận chưa phân phối.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 83.518.570.000 đồng. Số lượng cổ phần và mệnh giá cổ phần như sau:

	31/12/2013
Số lượng cổ phần được phép phát hành	8.351.857
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.351.857
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	<u>10.000</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Tình hình góp vốn điều lệ Công ty của các cổ đông cùng với tỉ lệ sở hữu tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số lượng cổ phiếu		Vốn đã góp	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
			VND	VND
SCIC	3.985.942	3.985.942	39.859.420.000	39.859.420.000
Các cổ đông khác	<u>4.365.915</u>	<u>4.365.915</u>	<u>43.659.150.000</u>	<u>43.659.150.000</u>
	<u>8.351.857</u>	<u>8.351.857</u>	<u>83.518.570.000</u>	<u>83.518.570.000</u>

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động - Bộ phận dịch vụ cảng, kho vận, giao nhận vận tải và Bộ phận kinh doanh xăng dầu, nhớt. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

CHỈ TIÊU	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	Kinh doanh xăng dầu, nhớt	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Cho năm tài chính tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	489.036.518.907	172.220.517.715	661.257.036.622
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	372.093.086.530	168.621.121.757	540.714.208.287
Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp	116.943.432.377	3.599.395.958	120.542.828.335
Doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác	5.988.016.211	155	5.988.016.366
Các chi phí trực tiếp	86.853.486.133	2.711.664.895	89.565.151.028
Chi phí khấu hao	5.066.542.628	82.065.999	5.148.608.627
Lợi nhuận trước thuế	31.011.419.827	805.665.219	31.817.085.046
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	7.554.244.082	201.416.305	7.755.660.387
Lợi nhuận sau thuế	<u>23.457.175.745</u>	<u>604.248.914</u>	<u>24.061.424.659</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Tài sản bộ phận	89.862.632.923	10.090.808.222	99.953.441.145
Tài sản không phân bổ	-	-	87.564.340.124
Tổng tài sản	89.862.632.923	10.090.808.222	187.517.781.269
Nợ phải trả bộ phận	42.070.941.809	886.076.705	42.957.018.514
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	8.776.882.845
Tổng nợ phải trả	42.070.941.809	886.076.705	51.733.901.359

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải VND	Kinh doanh xăng dầu, nhớt VND	Tổng cộng VND
Cho năm tài chính tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	435.382.032.747	171.951.506.519	607.333.539.266
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	329.201.399.477	165.662.539.933	494.863.939.410
Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp	106.180.633.270	6.288.966.586	112.469.599.856
Doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác	5.671.227.684	482.445.180	6.153.672.864
Các chi phí trực tiếp	75.236.323.124	4.986.055.630	80.222.378.754
Chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	5.386.080.563	176.552.442	5.562.633.005
Lợi nhuận trước thuế	31.229.457.267	1.608.803.694	32.838.260.962
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	7.635.882.066	402.200.924	8.038.082.990
Lợi nhuận sau thuế	<u>23.593.575.201</u>	<u>1.206.602.771</u>	<u>24.800.177.972</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Tài sản bộ phận	91.147.456.892	9.820.531.525	100.967.988.417
Tài sản không phân bổ	-	-	68.337.433.202
Tổng tài sản	91.147.456.892	9.820.531.525	169.305.421.619
Nợ phải trả bộ phận	34.904.150.582	953.646.353	35.857.796.935
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	4.926.890.768
Tổng nợ phải trả	34.904.150.582	953.646.353	40.784.687.703

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2013 VND	2012 VND
Doanh thu bán hàng	172.220.517.715	171.951.506.519
Doanh thu cung cấp dịch vụ	489.036.518.907	435.382.032.747
	<u>661.257.036.622</u>	<u>607.333.539.266</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2013 VND	2012 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	168.621.121.757	165.662.539.933
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	372.093.086.530	329.201.399.477
	<u>540.714.208.287</u>	<u>494.863.939.410</u>

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	969.581.739	622.064.449
Chi phí nhân công	55.866.541.080	53.359.505.315
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.148.608.627	5.562.633.105
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.692.088.841	16.627.457.972
Chi phí khác bằng tiền	13.400.071.842	8.909.853.169
	<u>94.076.892.129</u>	<u>85.081.514.010</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2013	2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi	3.919.441.319	4.547.332.865
Cổ tức, lợi nhuận được chia	820.443.500	685.929.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	264.564.108	302.811.584
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	465.187	15.047.963
	<u>5.004.914.114</u>	<u>5.551.121.412</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013	2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.555.064	12.856.111
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	271.606.576	344.921.584
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	15.117.733
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	223.087.680	(222.814.520)
	<u>503.249.320</u>	<u>150.080.908</u>

25. LỢI NHUẬN KHÁC

	2013	2012
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	270.240.909	818.181
Bồi thường từ thu hồi đất của Nhà nước	662.142.777	-
Khác	50.718.566	601.733.271
Thu nhập khác	<u>983.102.252</u>	<u>602.551.452</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	96.094.046	4.462.300
Khác	36.619.995	14.921.766
Chi phí khác	<u>132.714.041</u>	<u>19.384.066</u>
Lợi nhuận khác	<u>850.388.211</u>	<u>583.167.386</u>

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2013	2012
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	31.817.085.046	32.838.260.962
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(820.443.500)	(685.929.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	26.000.000	-
Thu nhập chịu thuế	<u>31.022.641.546</u>	<u>32.152.331.962</u>
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>7.755.660.387</u>	<u>8.038.082.990</u>

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.061.424.659	24.800.177.972
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	<u>8.351.857</u>	<u>8.351.857</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u><u>2.881</u></u>	<u><u>2.969</u></u>

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>19.435.159.456</u>	<u>28.901.970.434</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.677.682.507	3.466.419.023
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	4.427.219.307	5.068.413.301
Sau năm năm	<u>2.385.919.479</u>	<u>3.303.859.500</u>
	<u><u>11.490.821.293</u></u>	<u><u>11.838.691.824</u></u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê đất dài hạn, thuê kho và thuê văn phòng tại các xí nghiệp.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH***Quản lý rủi ro vốn***

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn điều lệ, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các loại công cụ tài chính*

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.832.342.924	62.477.239.278
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.222.894.557	58.298.305.862
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.449.693.680	2.672.781.360
Các khoản ký quỹ	592.128.600	706.113.400
Tổng cộng	146.097.059.761	124.154.439.900
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	36.658.132.921	31.648.654.648
Chi phí phải trả	41.852.075	212.218.008
Công nợ tài chính khác	550.122.000	567.876.000
Tổng cộng	37.250.106.996	32.428.748.656

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Công ty không có rủi ro lớn về tỷ giá vì luôn đảm bảo dự trữ nguồn ngoại tệ cần thiết để đáp ứng các nhu cầu của Công ty. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đồng Đô la Mỹ (USD)	6.138.908.845	4.697.435.201	10.375.805.760	8.580.146.719
Đồng Euro (EUR)	38.033.416	68.650.822	619.292.251	195.410.730
Đồng Đô la Úc (AUD)	-	-	13.187.108	29.965.208
Đồng Đô la Singapore (SGD)	-	-	8.024.759	39.981.680

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)******Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ***

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ, đồng Euro, đồng Đô la Úc và đồng Đô la Singapore.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Đồng Đô la Mỹ (USD)	211.844.846	194.135.576
Đồng Euro (EUR)	29.062.942	6.337.995
Đồng Đô la Úc (AUD)	659.355	1.498.260
Đồng Đô la Singapore (SGD)	<u>401.238</u>	<u>1.999.084</u>

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa và thuê dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa và giá thuê dịch vụ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.832.342.924	-	79.832.342.924
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.222.894.557	-	63.222.894.557
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.449.693.680	-	2.449.693.680
Các khoản ký quỹ	416.200.000	175.928.600	592.128.600
Tổng cộng	145.921.131.161	175.928.600	146.097.059.761
31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	36.658.132.921	-	36.658.132.921
Chi phí phải trả	41.852.075	-	41.852.075
Công nợ tài chính khác	-	550.122.000	550.122.000
Tổng cộng	36.699.984.996	550.122.000	37.250.106.996
Chênh lệch thanh khoản thuần	109.221.146.165	(374.193.400)	108.846.952.765
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.477.239.278	-	62.477.239.278
Phải thu khách hàng và phải thu khác	58.298.305.862	-	58.298.305.862
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.672.781.360	-	2.672.781.360
Các khoản ký quỹ	530.184.800	175.928.600	706.113.400
Tổng cộng	123.978.511.300	175.928.600	124.154.439.900
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	31.648.654.648	-	31.648.654.648
Chi phí phải trả	212.218.008	-	212.218.008
Công nợ tài chính khác	-	567.876.000	567.876.000
Tổng cộng	31.860.872.656	567.876.000	32.428.748.656
Chênh lệch thanh khoản thuần	92.117.638.644	(391.947.400)	91.725.691.244

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan:


<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	
Công ty Cổ phần SDB Việt Nam Công ty TNHH Phát Triển Bất Động Sản SORECO	Công ty liên kết Công ty con	
	2013	2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần SDB Việt Nam		
Doanh thu	546.522.756	1.219.952.559
Mua hàng	-	1.491.384.138
Công ty TNHH Phát Triển Bất Động Sản SORECO		
Góp vốn	1.530.000.000	-


Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần SDB Việt Nam		
Các khoản phải thu	-	3.700.000
Các khoản phải trả	-	17.041.972

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Lương	1.492.438.425	3.284.358.885
Thưởng	183.124.674	68.014.525
Các khoản phúc lợi khác	601.535.616	638.185.044


 Phạm Tường Minh
 Kế toán trưởng


 Đặng Vũ Thành
 Tổng Giám đốc
 Ngày 04 tháng 3 năm 2014